TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 14 /2018/DS-ST.
Ngày: 28 /8/2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- **Chủ toạ phiên toà**: Ông Bùi Văn Tuấn.

- **Hội thẩm nhân dân**: 1. Bà Lê Thị Tâm.

2. Ông Phạm Ngọc Dung.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 06/2018/ TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐDS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn*: Ông Hà Thanh S

Bà Trần Thị H

Đều có địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

(Ông Hà Thanh S được bà Trần Thị H ủy quyền khởi kiện theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2018).

Ông Hà Thanh S có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/01/2018 và các lời trình bày tại Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, nguyên đơn là ông Hà Thanh S trình bày:

Ngày 25/3/2011 anh Phạm Văn T có vay của vợ chồng ông Hà Thanh S, bà Trần Thị H số tiền là 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) và thỏa thuận thời hạn vay lâu dài với lãi suất thỏa thuận là 1,5 % tháng. Đến ngày 23/11/2011 anh T đã trả cho ông S, bà H được 4.000.000đ (Bốn triệu) đồng tiền gốc và trả tiền lãi đến tháng 11/2011.

Đến ngày 06/02/2012 anh T có vay thêm của vợ chồng ông Hà Thanh S, bà Trần Thị H số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu) đồng, hai bên thống nhất thời hạn trả nợ khoản vay này là ngày 10/3/2013, lãi suất là 1,5% một tháng.

Khi hết hạn, vợ chồng ông S, bà H đã đến đòi nợ hai khoản vay trên nhiều lần nhưng anh T vẫn không trả được nợ. Do đó ông S, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu anh T phải trả nợ cho vợ chồng ông số tiền nợ là 26.000.000 đ (Hai mươi sáu triệu) đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/11/2011 của số tiền 11.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 06/02/2012 của số tiền 15.000.000đ đến khi trả nợ xong với mức lãi suất là 1,5%/ tháng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày:

Ngày 25/3/2011 anh Phạm Văn T có vay của vợ chồng ông Hà Thanh S, bà Trần Thị H số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và thỏa thuận thời hạn vay lâu dài với lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5 % / tháng. Đến ngày 23/11/2011 anh T đã trả được 4.000.000đ (Bốn triệu) đồng tiền gốc và trả tiền lãi đến tháng 11/2011.

- Đến ngày 06/02/2012 anh T có vay thêm của ông S, bà H số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu) đồng, hai bên thống nhất thời hạn trả nợ khoản vay này là ngày 10/3/2013, lãi suất là 1,5%/ tháng.

Trong quá trình vay nợ anh đã trả cho bà H 10.000.000đ (Mười triệu) đồng tiền lãi.

Đến nay anh T xác định anh còn nợ ông S bà H số tiền là gốc 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu) đồng. Anh T đề nghị sẽ trả cho ông S, bà H toàn bộ số tiền trên làm nhiều lần và trong thời gian một năm (từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019), về khoản tiền lãi anh đề nghị không phải trả vì thời hạn trả nợ đã hết từ lâu và theo quy định của pháp luật anh cũng đã viết đơn đề nghị áp dụng thời hiệu cho việc vay nợ của anh và ông S, bà H.

Trong phiên hòa giải và tại phiên tòa ông S không chấp nhận việc anh T đã trả cho bà H số tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu) đồng, ông S cũng không chấp nhận đề nghị của anh T về phương thức trả nợ cũng như việc áp dụng thời

hiệu để không tính tiền lãi, ông S đề nghị anh T phải trả ngay cả tiền gốc và tiền lãi cho vợ chồng ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hà Thanh S và bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Phạm Văn T cư trú tại huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 điều 26; khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa ông Hà Thanh S, bà Trần Thị H và anh Phạm Văn T được thực hiện xong trước ngày bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án là phù hợp với điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc: Ông Hà Thanh S và anh Phạm Văn T thống nhất tính đến nay anh T còn nợ ông S, bà H số tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng. Anh T đề nghị được trả dần số tiền này cho ông S và bà H trong thời gian một năm (từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019) sẽ trả hết, ông S không chấp nhận đề nghị này của anh T mà yêu cầu anh T phải trả ngay số tiền trên cho ông S, bà H. Hội đồng xét xử xét thấy anh T vay của ông S và bà H số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 25/3/2011 với lãi suất 1,5% và thời gian vay lâu dài, anh T mới trả được cho ông S, bà H 4.000.000 đồng (Bốn triệu) đồng tiền gốc và tiền lãi hết tháng 11 năm 2011, số tiền gốc còn lại là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Số tiền anh T vay 15.000.000 đồng từ ngày 06/02/2012, anh T chưa trả tiền gốc. Như vậy tổng số tiền gốc anh T còn nợ ông S, bà H là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng). Hai bên đã thống nhất nên được chấp nhận.

Ông S và bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng cho đến nay anh T vẫn không trả được số tiền nợ còn lại cho ông S, bà H. Như vậy chứng tỏ anh T đã vi

phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy yêu cầu của ông S bà H là có cơ sở nên được chấp nhận. Anh T xin được thanh toán làm nhiều lần trong thời gian 01 năm anh sẽ trả hết nhưng ông S không đồng ý nên yêu cầu của anh T không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án ông S yêu cầu anh T phải trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn lại chưa thanh toán của khoản vay ngày 25/3/2011 với lãi suất 1,5% từ ngày 01/12/2011 đến ngày 28/8/2018 và trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc chưa thanh toán của khoản vay ngày 06/02/2012 với lãi suất 1,5% từ ngày 06/02/2012 đến ngày 28/8/2018.

Anh T đã có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện cho hai khoản vay ngày 25/3/2011 và ngày 06/02/2012, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với khoản vay nợ ngày 25/3/2011 là khoản vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, anh T đã trả được 4.000.000đ tiền gốc và tiền lãi đến hết tháng 11/2011, số tiền gốc còn lại là 11.000.000đ. Căn cứ vào quy định của pháp luật khoản vay nay không được áp dụng thời hiệu khởi kiện mà cần được tính lãi cụ thể như sau:

11.000.000 đ x 0,9% : 12tháng x 80 tháng 28 ngày = 6.677.000đ (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Đối với khoản vay nợ ngày 06/02/2012 là khoản vay có kỳ hạn và có lãi. Khi đến hạn trả nợ là ngày10/3/2013 ông S không yêu cầu anh T trả nợ, đến nay thời gian trả nợ đã quá hơn 5 năm, do đó thời hiệu khởi kiện đã hết, anh T đã có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu. Căn cứ vào ; Điều 154; Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2005, yêu cầu áp dụng thời hiệu của anh T được chấp nhận, yêu cầu tính lãi của ông S không được chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu đòi lại số tiền gốc của ông Hà Thanh S, bà Trần Thị H.

Ông S, bà H đã yêu cầu anh T trả nợ nhưng cho đến nay anh T vẫn không trả được nợ cho ông S, bà H. Như vậy chứng tỏ anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Do đó buộc anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho ông S, bà H số tiền gốc là 26.000.000 đ (Hai mươi sáu triệu) đồng và số tiền lãi phát sinh của khoản tiền vay ngày 25/3/2011 là 6.677.000đ (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Tổng tiền gốc và tiền lãi là 32.677.000 đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận nên anh Phạm Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương

ứng với số tiền phải trả nợ là : là 32.677.000 đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

32.677.000 đ x 5% = 1.633.850 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Ông Hà Thanh S, bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm c khoản 1 điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 154; Điều 427; khoản 2 điều 305; điều 471; Khoản 1 điều 474; khoản 2 Điều 476; Điều 477, khoản 2 Điều 478 của Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc anh Phạm Văn T phải trả nợ cho ông Hà Thanh S, bà Trần Thị H số tiền gốc là 26.000.000 đ (Hai mươi sáu triệu đồng) và 6.677.000đ (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền lãi. Tổng tiền gốc và tiền lãi là 32.677.000 (Ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp 1.633.850 đ (Một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm xung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho ông Hà Thanh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000 đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002315 ngày 26 tháng 4 năm 2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Hà Thanh S, vắng mặt anh Phạm Văn T. Ông Hà Thanh S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS ND huyện Vĩnh Lộc;*
- *VKS ND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn